

Bản án số: 665/2019/HS-PT
Ngày 29 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các thẩm phán: Ông Phạm Trung Tuấn

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 240/2019/TLPT- HS ngày 09 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phụng A do có kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 29 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thị Phụng A, sinh ngày 12/11/1980; tại xã L, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Phạm Thị Liên H, sinh năm 1954; chồng: Lê Quốc T, sinh năm 1978 (đã ly hôn năm 2017); có 01 người con sinh năm 2005; Tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/9/2017 cho đến nay. (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Phụng A: Luật sư Đoàn Trọng N – Thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. (Có mặt)

Trú tại: khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh T .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Luật sư Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Minh T – Văn phòng luật sư Trần Hải Đ thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2009, Nguyễn Thị Phượng A xây dựng quán giải khát số 777 và phòng trọ để kinh doanh tại khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh T với số tiền khoảng 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Chi phí cho việc xây dựng quán là từ nguồn tiền vay của người khác và tiền có được từ việc tham gia các dây hui.

Từ năm 2010 đến đầu năm 2014, để có vốn đầu tư kinh doanh và có tiền đóng lãi, đóng hui, trả nợ vay, tiêu xài cá nhân, Nguyễn Thị Phượng A liên hệ với những người ở tại địa phương có nhu cầu vay tiền đáo hạn ngân hàng để cho vay, nhưng số tiền cho vay không lớn chỉ vài chục triệu đồng, nếu ai cần vay số tiền vài trăm triệu đồng thì Nguyễn Thị Phượng A vay của người khác để cho vay lại hưởng phần chênh lệch lãi suất. Trong thời gian đầu vay tiền của người khác, Nguyễn Thị Phượng A nói rõ mục đích vay là để cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng và khi đến ngày trả nợ gốc và lãi suất, Nguyễn Thị Phượng A thực hiện chi trả tiền đầy đủ, đúng hạn nên từ đó đã tạo được sự tin tưởng đối với người cho vay. Những lần vay sau đó khi người cho vay đã tin tưởng, Nguyễn Thị Phượng A chỉ liên lạc bằng điện thoại hoặc gặp trực tiếp với người cho vay để hỏi vay tiền mà không nói rõ vay để sử dụng tiền vào mục đích gì, nhưng người cho vay vẫn đồng ý vì khi đến ngày hẹn, Nguyễn Thị Phượng A đóng lãi đầy đủ.

Đến cuối năm 2014, Nguyễn Thị Phượng A đã mất cân đối về thu, chi và đã nợ tiền vay của nhiều người. Từ đó dẫn đến không có khả năng chi trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng, nhưng vì muốn giữ uy tín cho bản thân và gia đình nên từ năm 2015 đến đầu năm 2017, Nguyễn Thị Phượng A tiếp tục vay tiền của 13 người với số tiền vay lớn hơn để chi trả tiền vay, đóng lãi suất cho số tiền đã vay trước đó, phục vụ kinh doanh và tiêu xài cá nhân. Đến cuối năm 2016 (âm lịch) do số tiền nợ mà Nguyễn Thị Phượng A vay quá lớn, người cho vay yêu cầu trả lại tiền gốc và lãi nhưng Nguyễn Thị Phượng A không có tiền trả nên tuyên bố vỡ nợ.

Qua điều tra, Nguyễn Thị Phượng A thừa nhận có nợ tiền vay của 13 người, cụ thể như sau:

1) Bà Trần Thị Mỹ L (Huệ), sinh năm 1969, ngụ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh T với số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng).

2) Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982, ngụ: Khóm 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh T với số tiền 22.180.000.000đ (hai mươi hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng).

3) Ông Trần Trí T, sinh năm 1959, ngụ: Khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh T với số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

4) Bà Lâm Thị Hằng Ni, sinh năm 1979, ngụ: Ấp Chợ, xã T, huyện T, tỉnh T số tiền 6.200.000.000đ (sáu tỷ hai trăm triệu đồng).

5) Bà Châu Thị Ngọc N, sinh năm 1972, ngụ: Số 184, khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh T số tiền 5.650.000.000đ (năm tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

6) Bà Mã Thị Xuân G, sinh năm 1958, ngụ: Ấp Chợ, xã L, huyện T, tỉnh T số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

7) Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1980, ngụ: Ấp V, xã L, huyện T, tỉnh T số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

8) Bà Ngô Thị T, sinh năm 1960, ngụ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh T số tiền 4.900.000.000đ (bốn tỷ chín trăm triệu đồng).

9) Bà Ngô Thị D, sinh năm 1951, ngụ: Khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh T số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng), bà Dung (là chị ruột bà Ngô Thị T) đã ủy quyền cho bà Ngô Thị T.

10) Bà Trầm Thị Ngọc H (Huôl), sinh năm 1963, ngụ: Ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh T số tiền 8.450.000.000đ (tám tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

11) Bà Cao Thị Kim C, sinh năm 1971, ngụ: Số 44/17, đường Đinh Tiên Hoàng, phường 8, thành phố V, tỉnh V (vụ việc do Tòa án nhân dân huyện Trà Cú chuyển đơn để điều tra làm rõ), số tiền 84.000.000đ (tám mươi bốn triệu đồng).

12) Ông Nguyễn Mộng Đạt, sinh năm 1987, ngụ: Ấp Cây Dương, xã T, huyện C, tỉnh T, số tiền 2.800.000.000đ (hai tỷ tám trăm triệu đồng). Ông Nguyễn Mộng Đ đã khởi kiện vụ việc tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận và Quyết định có hiệu lực pháp luật, Cơ quan điều tra ban hành văn bản đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh kiến nghị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục tái thẩm Quyết định nêu trên để tiếp tục điều tra làm rõ, đến nay chưa có kết quả.

13) Bà Phan Thu Nga, sinh năm 1979, ngụ: Ấp Cà Săng Cụt, xã Hàm Tân, huyện T, tỉnh T số tiền 840.000.000đ (tám trăm bốn mươi triệu đồng). Bà Nga đã khởi kiện vụ việc tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận và Quyết định có hiệu lực pháp luật, Cơ quan điều tra ban hành văn bản đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh kiến nghị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Quyết định nêu trên để tiếp tục điều tra làm rõ, đến nay Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giám đốc thẩm theo Quyết định số; 279/2018/DS-GĐT, ngày 28/8/2018.

Tổng số tiền của 13 người là: 56.854.000.000đ (năm mươi sáu tỷ tám trăm năm mươi bốn triệu đồng).

Trong tổng số 13 người nêu trên, có 08 người cho vay làm đơn tố cáo và yêu cầu làm rõ hành vi lừa đảo của Nguyễn Thị Phụng A là: Bà Trần Thị Mỹ L, Nguyễn Thị H, Châu Thị Ngọc N, Mã Thị Xuân G, Ngô Thị T, Ngô Thị D, Trầm Thị Ngọc H và ông Trần Trí T; 01 người do Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T thụ lý đơn khởi kiện chuyển đơn đến Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ theo thẩm quyền là: Bà Cao Thị Kim C; 02 người có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T, Tòa án nhân dân huyện T đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận và Quyết định có hiệu lực pháp luật, Cơ quan điều tra ban hành văn bản đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh kiến nghị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành

phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Quyết định nêu trên để tiếp tục điều tra làm rõ, đến nay Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giám đốc thẩm theo Quyết định số:279/2018/DS-GĐT ngày 28/8/2018 đối với bà Phan Thu N, còn ông Nguyễn Mộng Đ chưa có kết quả; còn lại 02 người không có đơn yêu cầu là: Bà Huỳnh Thị Bích T và Lâm Hằng N, nhưng qua lời khai bà Huỳnh Thị Bích T và lâm Hằng N có yêu cầu có yêu cầu Nguyễn Thị Phụng A phải trả lại số tiền mà Nguyễn Thị Phụng A còn nợ.

Quá trình điều tra xác định: Trong thời gian từ năm 2015 đến đầu năm 2017, khi vay tiền, Nguyễn Thị Phụng A có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của 04 người bị hại như cấp sơ thẩm đã nhận định tại cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết.

Đối với 08 người là: Bà Trần Thị Mỹ L (ủy quyền cho ông Diệp Quốc Nghĩa), Nguyễn Thị H, Châu Thị Ngọc N, Cao Thị Kim C, Mã Thị Xuân G, Huỳnh Thị Bích T, Lâm Thị Hằng N, ông Trần Trí T, qua điều tra xác định là giao dịch dân sự.

Cụ thể đối với bà Nguyễn Thị H qua quá trình điều tra cấp sơ thẩm xác định như sau:

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị H: Nguyễn Thị Phụng A bắt đầu vay tiền của bà Nguyễn Thị H nhiều lần từ đầu năm 2015 cho đến khi tuyên bố vỡ nợ. Lúc ban đầu khi vay, Nguyễn Thị Phụng A nói vay cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng và thực hiện việc chi trả đủ cả vốn và lãi đúng hạn rồi tiếp tục vay thêm số tiền mới. Đến thời điểm vỡ nợ, Nguyễn Thị Phụng A còn nợ bà Nguyễn Thị H số tiền là: 22.180.000.000đ (hai mươi hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), trong đó: tiền vay 21.500.000.000đ (hai mươi một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền hui đã hót còn nợ lại 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Đối với số tiền này, Nguyễn Thị Phụng A đã đóng lãi theo tháng và trả dần theo ký nhận nợ là 3.955.000.000đ (ba tỷ chín trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Theo lời khai của Nguyễn Thị Phụng A: Nguyễn Thị Phụng A bắt đầu vay tiền của bà Nguyễn Thị H từ năm 2013 đến năm 2016, vay rất nhiều lần, lãi suất từ 4% đến 6%/tháng. Trong thời gian đầu, khi vay tiền, Nguyễn Thị Phụng A có nói với bà Nguyễn Thị H là vay tiền để cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng, nhưng những lần này đã trả lại đầy đủ cho bà Nguyễn Thị H. Sau đó tiếp tục vay số tiền mới và đã đóng lãi cho bà Nguyễn Thị H theo thỏa thuận. Đối với số tiền này, khi vay, Nguyễn Thị Phụng A không nói với bà Nguyễn Thị H là vay để làm gì, chỉ nói số tiền cần vay thì bà Nguyễn Thị H cho vay; đồng thời do tin tưởng với nhau nên khi vay không ghi biên nhận mà chỉ ký vào sổ nợ của bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Phụng A thừa nhận đang nợ bà Nguyễn Thị H số tiền là 22.180.000.000đ (hai mươi hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), trong đó: Tiền vay là 21.500.000.000đ (hai mươi một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền hui đã hót còn nợ là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Việc vay tiền chỉ có Nguyễn Thị Phụng A và vợ chồng của bà Nguyễn Thị H biết.

Qua đôi chất và làm việc giữa Nguyễn Thị Phụng A với bà Nguyễn Thị H vào ngày 11/4/2018, Nguyễn Thị Phụng A thừa nhận đang nợ bà Nguyễn Thị H số tiền là 22.180.000.000đ (hai mươi hai tỷ một trăm tám mươi triệu đồng), trong đó: Tiền vay là 21.500.000.000đ (hai mươi một tỷ năm trăm triệu đồng), tiền hui đã hót còn nợ là 680.000.000đ (sáu trăm tám mươi triệu đồng). Bà Nguyễn Thị H cho rằng: Khi đến hỏi vay tiền, Nguyễn Thị Phụng A nói vay để cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng, nhưng Nguyễn Thị Phụng A cho rằng: Những lần nói vay tiền để cho vay lại đáo hạn ngân hàng thì Nguyễn Thị Phụng A đã trả đầy đủ, còn số tiền hiện đang nợ thì khi đến vay, Nguyễn Thị Phụng A không nói vay để sử dụng vào mục đích gì, chỉ nói số tiền cần vay là bao nhiêu thì bà Nguyễn Thị H cho vay.

Căn cứ tài liệu thu thập được thì việc bà Nguyễn Thị H cho Nguyễn Thị Phụng A vay tiền chỉ có Nguyễn Thị Phụng A và vợ chồng của bà Nguyễn Thị H biết, không có người khác chứng kiến, còn về mục đích vay thì giữa Nguyễn Thị Phụng A và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận bằng lời nói với nhau trong quá trình giao dịch để cho vay tiền, không có giấy tờ gì để chứng minh mục đích vay tiền để làm gì và việc vay tiền đó Nguyễn Thị Phụng A chỉ ký xác nhận nợ vào sổ của bà Nguyễn Thị H. Vì vậy, số tiền Nguyễn Thị Phụng A vay của bà Nguyễn Thị H chưa đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Thị Phụng A có hành vi lừa đảo mà chỉ là giao dịch dân sự với nhau.

Tài sản kê biên và thu giữ gồm:

- Qua tra cứu tài khoản tại Ngân hàng, Nguyễn Thị Phụng A hiện tại có trong tài khoản mở tại ngân hàng BIDV, chi nhánh Trà Vinh số tiền là: 3.741.330đ (ba triệu bảy trăm bốn mươi một ngàn ba trăm ba mươi đồng), số tiền này Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản.

- Nhập kho vật chứng 02 điện thoại di động (01 điện thoại di động hiệu NOKIA N1280, màu đen đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 PLUS, màu xám, số IMEI: 35438806255938 đã qua sử dụng).

- Về thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án: Thu giữ nhiều biên nhận, giấy xác nhận nợ có chữ ký của Nguyễn Thị Phụng A và bị hại.

- Hiện nay Cơ quan thi hành án dân sự huyện Trà Cú đang kê biên của Nguyễn Thị Phụng A 02 thửa đất theo Quyết định số: 01/QĐ-CCTHADS, ngày 20/7/2017: Thửa đất số 45, diện tích 390,3m², loại đất CLN; thửa số 03, diện tích 1.546,4m², loại đất CLN). Hai thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại khóm 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh T do Nguyễn Thị Phụng A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 13 phòng trọ, mặt bằng kinh doanh quán giải khát, Nguyễn Thị Phụng A đang thế chấp cho ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt, chi nhánh Trà Vinh với số tiền: 1.130.000.000đ (một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng). Tất cả số tài sản nêu trên, Nguyễn Thị Phụng A đồng ý bán để trả nợ vay ngân hàng, số tiền còn lại tự nguyện khắc phục cho tất cả những người mà Nguyễn Thị Phụng A còn thiếu nợ.

Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H và những người tham gia tố tụng cho rằng: Nguyễn Thị Phụng A đã tẩu tán tài sản cho người khác, cụ thể

là 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 153, tờ bản đồ 17, diện tích 436,7m²; thửa đất số 180, tờ bản đồ 17, diện tích 271,6; thửa đất số 76, tờ bản đồ 16, diện tích 492,2m² theo nội dung đơn khiếu nại ngày 11/7/2018.

Trong thời gian điều tra, Cơ quan điều tra ban hành Công văn số: 298/CQĐT-PC45, ngày 14/6/2017 về việc đề nghị Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cung cấp thông tin đăng ký quyền sử dụng đất. Qua tra cứu tại Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Trà Vinh về sở hữu đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Nguyễn Thị Phụng A và Lê Quốc T (chồng của Nguyễn Thị Phụng A) như sau:

- Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.546,4m²; thửa đất số 45, tờ bản đồ số 16, diện tích 390,3m², hai thửa đất này Nguyễn Thị Phụng A đang thế chấp tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt tỉnh Trà Vinh.

- Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 16, diện tích 492,2m², thửa đất này Nguyễn Thị Phụng A có từ ngày 09/10/2006. Đến ngày 24/02/2017, Nguyễn Thị Phụng A làm hợp đồng cho tặng em ruột là Nguyễn Thị Phụng L. Đến ngày 08/3/2017, Phụng L bán cho Lâm Thị Hằng N. Việc tặng cho và giao dịch chuyển nhượng này là phù hợp với quy định của pháp luật và việc thực hiện giao dịch đã hoàn thành và diễn ra trước thời điểm khởi tố vụ án.

- Đối với 02 thửa đất số 153, tờ bản đồ 17, diện tích 436,7 m² và thửa đất số 180, tờ bản đồ 17, diện tích 271,6 m² không có trong kết quả tra cứu (Bút lục 977 - 1013).

- Đối với Lê Quốc T không có trong thông tin tra cứu (Bút lục số 977).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HSST ngày 29 tháng 3 năm 2019 Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 268, 269, 277 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Phụng A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Phụng A 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, 586, 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và các bị hại. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Phụng A bồi thường số tiền tổng cộng 7.822.000.000đ (bảy tỷ tám trăm hai mươi hai triệu đồng) cho các bị hại có tên sau:

01) Bà Ngô Thị T số tiền 4.832.000.000đ (bốn tỷ tám trăm ba mươi hai triệu đồng).

02) Bà Ngô Thị D số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng).

03) Bà Trầm Thị Ngọc H (Huôl) số tiền 850.000.000đ (tám trăm năm mươi triệu đồng).

04) Bà Phan Thu N số tiền 840.000.000đ (tám trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh được bị cáo Nguyễn Thị Phụng A có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền của bà H. Đồng thời, bị cáo cũng không thừa nhận là có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền của chị Hiền. Do đó, việc giao dịch vay tiền giữa bà H với bị cáo Nguyễn Thị Phụng A là giao dịch dân sự. Vì vậy đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là luật sư Đức trình bày: Cấp sơ thẩm xác định việc vay nợ giữa bà H và bị cáo là quan hệ dân sự là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã hỏi bị cáo mục đích vay tiền nhằm mục đích gì. Bị cáo trả lời là mục đích đáo nợ ngân hàng. Đây là chứng cứ không thể bác bỏ nhưng thực chất là bị cáo mua đất, mở cửa hàng, xây dãy trọ... Tại phiên tòa bị cáo cũng xác nhận chồng bị cáo và chồng bà H là đồng nghiệp nên bà H mới tin tưởng cho vay để cuối cùng bị cáo chiếm đoạt. Nếu sơ thẩm xác định bà H là người có quyền và nghĩa vụ liên quan nhưng trong bản án không nêu ra đường hướng giải quyết đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Đề nghị yêu cầu chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là luật sư T trình bày: Sai phạm tố tụng của sơ thẩm: Không tách bạch nguồn tiền bị cáo Phụng A chiếm đoạt. Bút lục 19-26, 37, 38, 45 đều khẳng định bị cáo thừa nhận nói dối vay để mượn được tiền. Quá trình điều tra xác minh bị cáo dùng tiền vay để xây nhà mới, mua đất, mua ô tô, xây phòng trọ, xây trung tâm karaoke. Tuy nhiên, kết luận điều tra không nêu ra. Ngay khi tiếp nhận đơn tố giác tội phạm có biên bản xác định chồng bị cáo có nhận hơn 4 tỷ nhưng sau khi truy tố bị cáo lại mất biên bản đó. Vì vậy, đã bỏ lọt tội phạm là chồng bị cáo.

Ngoài ra, khi sự việc bị cáo vay nợ nhiều người tại địa phương đang tiến hành điều tra thì tòa án lại cho hai vợ chồng bị cáo ly hôn, trong quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định về tài sản chung hai vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung không có. Đây là vấn đề cần xét lại xem việc ly hôn có phải vì mục đích tẩu tán tài sản để không phải trả nợ cho những người bị hại hay không?

Bản án sơ thẩm không làm rõ quan hệ vay mượn giữa bị cáo và bà H. Nếu xác định tư cách tố tụng bà H là đúng thì ban hành bản án cũng hoàn toàn sai. Bản án xác định bị cáo và bà H là quan hệ vay mượn nhưng phần quyết định không tuyên vấn đề này. Trong văn bản giải đáp thắc mắc tòa tối cao thì quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải giải quyết trong cùng một vụ án. Ngoài ra, bị cáo có hành vi tặng cho tài sản để tẩu tán tài sản. Vì vậy, đề nghị hủy bản án để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời khai bị cáo tại cơ quan điều tra, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ năm 2010 đến đầu năm 2014, để có vốn đầu tư kinh doanh và có tiền đóng lãi, đóng hội, trả nợ vay, tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Thị Phụng A liên hệ với những người ở tại địa phương để vay tiền. Do mất cân đối về các khoản vay nên từ đầu năm 2015 đến năm 2017 thông qua hình thức vay tiền bị cáo Nguyễn Thị Phụng A có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của 04 người gồm bà Ngô Thị T, bà Ngô Thị D, bà Trầm Thị Ngọc H và bà Phan Thu N. Do đó, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn hai dấu hiệu cấu thành cơ bản của tội phạm lừa đảo là gian dối và chiếm đoạt nên có đủ căn cứ quy kết bị cáo Nguyễn Thị Phụng A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở.

Đối với việc vay tiền giữa bà Nguyễn Thị H và bị cáo hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai đầu tiên đến vay tiền bà H thì bị cáo nói mục đích vay là đáo nợ ngân hàng nhưng đã trả đủ. Sau đó, bị cáo tiếp tục nhiều lần vay tiền của vợ chồng bà H vì bị cáo biết bà H có nhiều tiền cho vay. Bà H cũng khai tương tự và cho rằng bị cáo vay để đáo nợ ngân hàng. Rõ ràng hai bên giao dịch nhiều lần theo thói quen của nhau, vì đã có thói quen giao dịch cho nên không thể nói những lần bị cáo vay sau không nêu rõ mục đích vay tiền là không có dấu hiệu chiếm đoạt.

Hành vi vay nợ nêu trên của bị cáo đối với cùng nhiều người, cùng thời điểm, cùng một địa phương, có phương thức thủ đoạn gần như nhau nhưng đối với người này thì cho là bị hại, đối với người khác cho là quan hệ dân sự gây bức xúc trong quần chúng nhân dân tại địa phương. Việc này có liên quan đến tội danh và khung hình phạt của bị cáo.

Xét thấy, ngày 06/12/2018 Tòa án nhân dân tỉnh T đã ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Tuy nhiên, Cơ quan Điều tra chưa làm rõ hành vi của bị cáo đối những người tương tự khác trong cùng vụ án, trong đó có bà Nguyễn Thị H. Như vậy, hội đồng xét xử sơ thẩm không có lỗi.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 29 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Giao hồ sơ lại cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh để điều tra lại vụ án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Công an tỉnh Trà Vinh (1);
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Trại giam tỉnh Trà Vinh; bị cáo (2)
- NCQLNVLQ (1)
- Lưu hồ sơ vụ án (3). 17b (MTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân